

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH**

**NGÔ THỊ ANH VÂN**

**BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI CON  
ĐƯỢC SINH RA BẰNG KỸ THUẬT HỖ TRỢ SINH SẢN  
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2023**

**Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại Học Luật TP. Hồ Chí Minh**

*Người hướng dẫn khoa học:*

**1. GS. TS. Đỗ Văn Đại**

**2. TS. Nguyễn Văn Tiến**

**Phản biện 1:** .....

.....

**Phản biện 2:** .....

.....

**Phản biện 3:** .....

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường, họp tại phòng ... Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, số 2 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, vào hồi.....giờ ...phút, ngày... tháng ... năm ...

**Có thể tìm hiểu Luận án tại:**

**Thư viện Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, hoặc  
Thư viện Khoa học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh**

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự phát triển của y học đã mang đến những hiểu biết rõ ràng đối với quá trình sinh sản đầy phức tạp của con người. Ngày nay, khoa học không chỉ tạo điều kiện để quá trình sinh sản tự nhiên được diễn ra thuận lợi. Hơn thế nữa, các kỹ thuật y học đã mang đến nhiều cơ hội cho những cá nhân hoặc cặp vợ chồng gặp vấn đề thể chất về khả năng mang thai và sinh con. Năm 1978, sự kiện một em bé ra đời nhờ kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm,<sup>1</sup> đã mở ra một “kỷ nguyên” mới cho ngành khoa học sinh sản thế giới. Kể từ đây, các thành tựu y học đã giúp cho khả năng sinh sản của con người vượt ngoài những giới hạn về mặt sinh học. Việc trữ đông noãn, tinh trùng trong nhiều năm liên tục; sinh con sau khi chết; nhờ người khác mang thai và sinh con của mình; sinh con khỏe mạnh tránh các bệnh truyền nhiễm mà cha, mẹ đang mắc phải... đã được thực hiện dựa trên kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Các cuộc cách mạng trong khoa học và công nghệ đã được nhìn nhận là: “*đánh dấu sự tách rời tình dục khỏi sinh sản, sự sinh sản khỏi tình dục, và cả tình dục lẫn sinh sản khỏi mô hình gia đình truyền thống*”.<sup>2</sup>

Kỹ thuật hỗ trợ sinh sản mang đến những điều kiện thuận lợi cho quá trình thụ thai và sinh con của những người vô sinh hoặc không mong muốn có con theo cách thức tự nhiên (quan hệ tình dục). Dù phương pháp hỗ trợ sinh sản cụ thể nào được sử dụng thì mục đích cuối cùng của chu trình vẫn hướng đến việc tạo nên một cá nhân. Càng nhiều chu trình hỗ trợ sinh sản được thực hiện cũng đồng nghĩa với việc ngày càng có nhiều người con được sinh ra bằng phương pháp khoa học. *Trước hoàn cảnh này, quyền lợi của trẻ được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đặt ra một số vấn đề đáng lưu tâm trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Cụ thể như sau:*

*Thứ nhất, các quy định hiện nay chưa tạo nên một hành lang pháp lý vững vàng để bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Pháp luật hiện hành ghi nhận các quy định cơ bản điều chỉnh những vấn đề như: chủ thể áp dụng, điều kiện áp dụng, hậu quả pháp lý phát sinh khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Tuy vậy, rất ít quy định trực tiếp điều chỉnh quyền lợi của người con được sinh ra. Xuất phát từ sự khác biệt trong quá trình thụ thai, con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có thể không có cùng huyết thống với cha, mẹ; được sinh ra khi người cha hoặc mẹ sinh học đã chết trước đó một khoảng thời gian dài; không do người mẹ trực tiếp mang thai và sinh ra; hoặc mắc các khuyết tật, dị tật*

<sup>1</sup> Phạm Văn Phúc (chủ biên) (2015), *Công nghệ hỗ trợ sinh sản*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, tr. 19.

<sup>2</sup> Trần Mạnh Hùng (2015), *Đạo đức sinh học và những thách thức hiện nay*, Nxb. Phương Đông, tr. 297.

bẩm sinh do gen di truyền của người hiến tặng. *Đối chiếu những khả năng này với pháp luật hiện hành, có thể nhận thấy một số vấn đề tồn tại như:*

(i) Pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể xác định cha, mẹ cho con trong các trường hợp: vi phạm điều kiện về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; sinh con từ noãn, tinh trùng của người chết; thoả thuận xác định cha cho con; hoặc cấy nhằm phôi, noãn, tinh trùng. (ii) Quyền được nuôi dưỡng của người con sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản chưa được quy định cụ thể trong những trường hợp như: xảy ra tranh chấp xác định cha, mẹ; hoặc người áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản từ chối nhận con. (iii) Quyền xác định nguồn gốc và nội dung của quyền chưa được pháp luật ghi nhận đối với người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. (iv) Quy định hiện hành chưa điều chỉnh cụ thể mối quan hệ giữa bên tham gia hỗ trợ sinh sản với trẻ được sinh ra. (v) Quyền được hưởng thừa kế của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản chưa được giải quyết triệt để trong một số trường hợp.

Với những vấn đề nêu trên, cùng nhiều nội dung chi tiết liên quan, có thể thấy quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản chưa được quan tâm và điều chỉnh một cách thoả đáng. Nghiên cứu chuyên sâu và tìm ra các giải pháp pháp lý khắc phục vì thế là điều rất cần thiết trong bối cảnh hiện tại.

*Thứ hai, nhìn từ phương diện xã hội, khi nhu cầu sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản ngày càng cao, khả năng phát sinh các tình huống ảnh hưởng đến quyền lợi của trẻ càng gia tăng. Có thể thấy không chỉ có cặp vợ chồng vô sinh, sự cởi mở trong quan niệm đạo đức và quan niệm xã hội đã khiến cho người phụ nữ độc thân hoặc người đàn ông độc thân cũng có thể mong muốn sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Nhu cầu này càng hiện hữu đối với nhóm người đồng tính hoặc chuyển giới khi pháp luật đang có xu hướng thừa nhận và bảo vệ cụ thể hơn quyền lợi của nhóm cá nhân này.<sup>3</sup>*

Trước hoàn cảnh nhiều chủ thể trong xã hội có mong muốn áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản nhưng chỉ một phần trong số họ đáp ứng điều kiện mà pháp luật đặt ra, khả năng thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản khi chưa được pháp luật cho phép là điều khó tránh khỏi. Vụ việc lấy và sử dụng tinh trùng của người chồng đã chết để mang thai và sinh con diễn ra tại Hà Nội năm 2013<sup>4</sup> là một ví dụ điển hình cho điều kể trên. Hoặc sự việc gần đây: người mẹ yêu cầu bệnh viện giao tinh trùng của người con đã

<sup>3</sup> Xem: Phạm Quỳnh Phương (2013), *Người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 227, 228.

<sup>4</sup> Xem vụ việc tại: Huy Hà, Trần Ngọc (2013), “Thụ tinh từ tinh trùng của người đã chết: Phức tạp về pháp lý”, *Báo Pháp luật Tp. Hồ Chí Minh*. <https://plo.vn/thu-tinh-tu-tinh-trung-cua-nguoi-da-chet-phuc-tap-ve-phap-ly-post261157.html> (truy cập ngày 28/9/2022).

chết<sup>5</sup> cũng nằm ngoài sự dự liệu của các nguyên tắc pháp lý. Dù trực tiếp hay gián tiếp thì yêu cầu áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đều làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người con có khả năng được sinh ra. Việc nghiên cứu về quan hệ hỗ trợ sinh sản để đưa ra những định hướng phát triển tích cực, dung hoà lợi ích của các bên và bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người con vì thế là điều thiết thực trong hoàn cảnh hiện tại và tương lai.

*Thứ ba, từ kinh nghiệm pháp luật nước ngoài, quyền lợi của trẻ em là một vấn đề nổi bật, luôn nhận được sự quan tâm, đặc biệt là trong các tranh chấp về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.* Khác với Việt Nam, thực tiễn pháp lý của rất nhiều quốc gia cho thấy một số lượng không nhỏ các tranh chấp trong quan hệ sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đã xảy ra. Phân tích của cơ quan xét xử đã thể hiện: dù chủ thể tranh chấp là ai và nội dung tranh chấp là gì thì quyền lợi của người được sinh ra, đều ít nhiều bị tác động. Tại nhiều nơi, quyền lợi của người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có dấu hiệu đáng quan ngại đến mức luật được ban hành, sửa đổi hoặc bổ sung để ngăn chặn các nguy cơ có thể xảy ra trong tương lai.

Như vậy, xét từ phương diện văn bản, thực tiễn hay kinh nghiệm của quốc gia khác, việc thực hiện một nghiên cứu hướng đến sự quan tâm và bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là điều rất cần thiết. Từ những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài: ***“Bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản theo pháp luật Việt Nam”*** làm đề tài Luận án Tiến sĩ của mình.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của Luận án là đưa ra các đề xuất pháp lý nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Luận án hướng đến làm rõ pháp luật hiện hành về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, từ đó đánh giá mức độ bảo vệ của pháp luật đối với quyền lợi của người con. Cùng với mục đích xác định cơ sở lý luận, thực tiễn, Luận án xây dựng nguyên tắc cần tuân thủ để bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, cũng như các quyền lợi, nghĩa vụ về nhân thân, tài sản cụ thể cần được pháp luật ghi nhận.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục đích nghiên cứu, Luận án giải quyết các nhiệm vụ cụ thể sau:

---

<sup>5</sup> Xem vụ việc tại: Hoàng Yến (2018), “Mẹ muốn thừa kế... tinh trùng của con”, *Báo Pháp luật Tp. Hồ Chí Minh* <https://plo.vn/me-muon-thua-ke-tinh-trung-cua-con-post508443.html> (truy cập ngày 28/9/2022).

*Thứ nhất*, cung cấp cơ sở thực tiễn cho thấy nhu cầu sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản ngày càng gia tăng và quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đứng trước nhiều khả năng bị xâm phạm.

*Thứ hai*, phân tích và củng cố cơ sở lý luận về bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

*Thứ ba*, làm rõ các cơ sở pháp lý liên quan đến quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; nhìn nhận, đánh giá về mức độ bảo vệ của pháp luật đối với quyền lợi của người con. Trên cơ sở này, Luận án nhận diện những lỗ hổng pháp lý cần được khắc phục trong tương lai, nhằm hướng đến mục đích bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

*Thứ tư*, nghiên cứu về thực tiễn pháp lý tại một số quốc gia trên thế giới; đúc kết, học hỏi các kinh nghiệm trong việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

*Thứ năm*, xây dựng nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về xác định cha, mẹ cho con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; quyền thừa kế của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; xác định quốc tịch trong một số trường hợp đặc biệt; xây dựng khung pháp lý cho quyền xác định nguồn gốc của người con; làm rõ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản trong mối quan hệ với các chủ thể có liên quan. Luận án không đi sâu vào phân tích các vấn đề đã được pháp luật hiện hành ghi nhận, mà tập trung tìm kiếm, bổ sung những giải pháp pháp lý phù hợp với đặc điểm và quy trình sinh sản gắn liền với người con, nhằm hoàn thiện hơn pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là các vấn đề lý luận, thực tiễn và pháp lý về bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, cụ thể bao gồm: (1) cơ sở lý luận, quan điểm, học thuyết pháp lý về bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; (2) hệ thống các quy phạm pháp luật Việt Nam hiện hành và các Điều ước quốc tế, có liên quan đến vấn đề bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; (3) thực tiễn áp dụng pháp luật về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản trong việc bảo vệ quyền lợi của người con; và (4) pháp luật một số quốc gia trên thế giới về bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Luận án nghiên cứu chuyên sâu các giải pháp bảo vệ quyền lợi của người con xuất phát từ những vấn đề do quá trình hỗ trợ sinh sản đặt ra. *Các giải pháp được thiết kế gắn liền với những đặc điểm sinh học hoặc đặc trưng của quá trình mà người con được mang thai và sinh ra.* Cụ thể hơn, Luận án tập trung vào nguyên tắc bảo vệ quyền lợi; xác định chủ thể có trách nhiệm trước tiên trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con (thông qua việc xác định cha, mẹ); đề xuất thừa nhận nội dung cụ thể của các quyền nhân thân, tài sản gắn với đặc điểm sinh học của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; xác định và thực hiện nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan; xử lý hành vi vi phạm quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

Về không gian, Luận án tập trung làm rõ các vấn đề pháp lý về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản tại Việt Nam. Về thời gian, khi đánh giá về thực trạng cũng như nghiên cứu về cơ sở pháp lý, Luận án sử dụng mốc thời gian từ năm 2000 - thời điểm Luật HN&GD năm 2000 ra đời, với các quy định đầu tiên về sinh con bằng phương pháp khoa học.

## **4. Phương pháp nghiên cứu và phương pháp tiếp cận**

### **4.1. Phương pháp nghiên cứu**

*Đề tài được thực hiện với những phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:*

Thứ nhất, phương pháp phân tích; thứ hai, phương pháp so sánh; thứ ba, phương pháp bình luận bản án, nghiên cứu tình huống pháp lý.

### **4.2. Phương pháp tiếp cận**

Luận án sử dụng phương pháp tiếp cận định tính, nhằm đưa ra các phân tích, đánh giá trên cơ sở tìm hiểu pháp luật thực định và thực tiễn pháp lý. Trong lĩnh vực pháp luật về bảo vệ quyền lợi của cá nhân, “phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người” (hay còn được gọi tắt là HRBA - *human rights-based approach*) cung cấp một gợi ý hữu ích cho quá trình nghiên cứu Luận án.

## **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận án**

### **5.1. Ý nghĩa khoa học của Luận án**

Luận án góp phần thu hút sự quan tâm và bảo vệ một cách đúng mực đối với quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Kết quả nghiên cứu của Luận án hướng đến việc bảo vệ một cách công bằng và hài hoà lợi ích của các chủ thể trong xã hội.

### **5.2. Ý nghĩa thực tiễn của Luận án**

Thông qua các vụ việc cụ thể, những vấn đề bất cập trên thực tiễn liên quan đến quyền lợi của người con được phát hiện, phân tích và khắc phục bằng các giải pháp

pháp lý. Kết quả nghiên cứu của Luận án dự kiến sẽ phân nào giúp cho việc áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và thực hành pháp luật về lĩnh vực này được tiến hành một cách thận trọng hơn. Các kiến nghị trong Luận án được xây dựng dựa trên cơ sở thực tiễn, nên khả năng vận dụng để hoàn thiện pháp luật và tạo những tác động tích cực đến việc bảo vệ quyền lợi của người con là điều có thể đạt được.

## **6. Những đóng góp mới của Luận án**

Cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành, Luận án có những đóng góp mới như sau:

*Thứ nhất*, Luận án làm rõ các vấn đề lý luận về bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

*Thứ hai*, Luận án cung cấp các biện pháp bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản (gắn liền với các đặc điểm sinh học của nhóm chủ thể này). Luận án cũng đồng thời xây dựng các nguyên tắc nhất quán cho việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

*Thứ ba*, Luận án cung cấp thực tiễn xét xử và nội dung pháp luật của một số quốc gia. Thông qua đó, Luận án cho thấy các xu hướng pháp lý trên thế giới liên quan đến chủ đề bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

*Cuối cùng*, Luận án đóng góp các đề xuất tập trung vào việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Cụ thể, có thể kể đến những kiến nghị như: nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; thoả thuận xác định người đàn ông độc thân là cha của con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; xác định cha cho con được sinh ra từ tinh trùng của người chết và các hệ quả phát sinh; xác định cha, mẹ cho con trong trường hợp có sự vi phạm pháp luật về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo; quyền xác định nguồn gốc; xác định quốc tịch cho con được mang thai hộ và sinh ra ở nước ngoài; trách nhiệm của các thành viên trong gia đình trong việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra; nghĩa vụ và chế tài có thể áp dụng đối với các chủ thể xâm phạm quyền lợi của người con. Cuối cùng, Luận án kiến nghị về việc xây dựng quy định chuyên biệt: Luật về Sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

## **7. Nội dung và kết cấu của Luận án**

Trên cơ sở lý luận, thực tiễn và pháp luật hiện hành, Luận án đề xuất các nội dung cụ thể liên quan đến việc xác định cha, mẹ trong những trường hợp chưa được pháp luật quy định. Cụ thể, đó là những trường hợp như: xác định cha cho con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thông qua sự thoả thuận; xác định cha, mẹ cho con khi có việc cấy nhằm phôi, noãn, tinh trùng; xác định cha cho con được sinh ra từ tinh trùng của người đã chết; xác định cha, mẹ khi có sự vi phạm pháp luật về mang thai hộ. Các quyền nhân thân và tài sản như quyền xác định nguồn gốc, xác định quốc

tịch, quyền thừa kế cũng được kiến nghị theo hướng sửa đổi, bổ sung hoặc chi tiết hoá. Cuối cùng, đặt trong mối liên hệ với việc bảo vệ quyền lợi của người con, nội dung Luận án đề cập đến nghĩa vụ của các thể tham gia quan hệ sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

Để triển khai những nội dung trên, ngoài phần Mở đầu, Kết luận, kết cấu Luận án được chia thành 04 chương:

Chương 1. Tổng quan về tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

Chương 2. Những vấn đề cơ bản về bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản

Chương 3. Bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thông qua việc xác định cha, mẹ

Chương 4. Bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thông qua việc xác định và thực hiện quyền, nghĩa vụ của các chủ thể

## CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT

### 1.1. Tổng quan về tình hình nghiên cứu

#### 1.1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước và nước ngoài

Cho đến nay, sau một khoảng thời gian dài phát triển, sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là một chủ đề nhận được sự quan tâm đặc biệt trong khoa học pháp lý. Riêng vấn đề “*Bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*”, có thể kể đến các nghiên cứu có liên quan sau đây:

*1.1.1.1. Nghiên cứu về xác định cha, mẹ cho con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*

Có thể kể đến những nghiên cứu tiêu biểu như sau

##### *(1) Các nghiên cứu trong nước*

Bài viết của tác giả Nguyễn Thị Lan (2016), “Thụ tinh trong ống nghiệm và những vấn đề pháp lý phát sinh”, Tạp chí Luật học, số 02. Bài viết của hai tác giả Hoàng Thị Hải Yến và Nguyễn Thị Lê Huyền (2014), “Bàn về “Hành trình xúc động của người vợ sinh con từ tinh trùng của người chồng đã mất” dưới góc độ pháp lý”, Tạp chí Nghề luật, số 4. Bài viết tác giả Nguyễn Thị Lan (2014), “Vấn đề xác định cha, mẹ, con và mang thai hộ theo dự thảo Luật hôn nhân và gia đình”, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 05. Bài viết của tác giả Nguyễn Văn Lâm (2015), “Từ những quy định pháp luật về mang thai hộ quan niệm thế nào về “huyết thống” và “mẹ”?”, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 9. Luận án Tiến sĩ của tác giả Nguyễn Thị Lan (2008) về “Xác định cha, mẹ, con trong pháp luật Việt Nam” (Trường Đại học Luật Hà Nội). Luận án Tiến sĩ của tác giả Nguyễn Thị Lê Huyền (2020) về “Chế định mang thai hộ theo pháp luật Việt Nam” (Trường Đại học Luật Hà Nội).

##### *(2) Các nghiên cứu ở nước ngoài*

Các nghiên cứu nước ngoài về chủ đề này cũng rất đa dạng, trong đó có thể kể đến nhóm các nghiên cứu về (i) xác định cha, mẹ cho con trong trường hợp con được sinh ra bằng cách nhờ mang thai hộ thương mại ở nước ngoài để trốn tránh quy định cấm trong nước; (ii) xác định cha, mẹ cho con trong trường hợp con được sinh ra từ tinh trùng hoặc noãn của người đã chết; (iii) xác định cha, mẹ cho con trong trường hợp người sinh con và người hiến tinh trùng có thoả thuận.

*Về chủ đề thứ nhất: xác định cha, mẹ cho con trong trường hợp con được sinh ra bằng cách nhờ mang thai hộ thương mại ở nước ngoài, có thể kể đến những nghiên cứu tiêu biểu sau: Bài viết của tác giả Munjal-Shankar Diksha (2014), “Identifying the “Real Mother” in Commercial Surrogacy in India”, trên Tạp chí Gender, technology and development, số 18. Bài viết của tác giả Tina Lin (2013), “Born Lost:*

Stateless Children in International Surrogacy Arrangements”, trên Tạp chí Cardozo J. Int'l & Comp, số 21. Bài viết của tác giả Katarina Trimmings và Paul Beaumont (2011), “International Surrogacy Arrangements: An urgent need for Legal Regulation at the International Level”, trên Tạp chí Journal of Private International Law, số 7.

*Về chủ đề thứ hai: xác định cha, mẹ cho con trong trường hợp con được sinh ra từ tinh trùng hoặc noãn của người đã chết, có thể kể đến những nghiên cứu tiêu biểu sau:* Bài viết của tác giả Kindregan (2009), “Dead dads: Thawing an heir from the freezer”, trên Tạp chí William Mitchell Law Review, số 25. Bài viết của tác giả Krebs.J (2018), “Any man can be father, but should dead man be dad: An approach to the formal legalization of posthumous sperm retrieval and posthumous reproduction in The United States”, trên Tạp chí Hofstra Law Review, số 47. Bài viết của tác giả Trachman, W. E (2016), “The walking dead: Reproductive rights for the dead”, trên Tạp chí Savannah Law Review, số 3.

*Về chủ đề thứ ba: xác định cha, mẹ cho con trong trường hợp người sinh con và người hiến tinh trùng có thỏa thuận, có thể kể đến những bài viết tiêu biểu sau:* Bài viết của tác giả Jennifer Nadraus (2015), “Dodging the Donor Daddy Drama: Creating a Model Statute for Determining Parental Status of Known Sperm Donors”, trên Tạp chí Family Court Review, số 53. Bài viết của tác giả Abbie E. Goldberg và Katherine R. Allen (2013), “Donor, Dad, or...? Young Adults with Lesbian Parents’ Experiences with Known Donors”, trên Tạp chí Family Process, số 52. Bài viết của tác giả Mc Convill James, Mills Eithne (2003), “Re Patrick and the rights and responsibilities of sperm donor fathers in Australian family law”, trên Tạp chí QUT Law and Justice, số 3. Bài viết của tác giả Jesse Michael Nix (2009), “You only Donated Sperm: Using Intent to Uphold Paternity Agreements”, trên Tạp chí Law and Family Studies, số 11.

*1.1.1.2. Nghiên cứu về quyền thừa kế của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*

Có thể kể đến các nghiên cứu điển hình như sau:

*(1) Các nghiên cứu trong nước*

Sách của tác giả Phạm Văn Tuyết và Lê Kim Giang (2017), “Pháp luật về thừa kế và thực tiễn giải quyết tranh chấp”, nhà xuất bản Tư pháp. Bài viết của tác giả Nguyễn Hồ Bích Hằng và Ngô Thị Anh Vân (2015), “Một số góp ý về người thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự - Bàn về tư cách hưởng thừa kế của người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế”, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 5. Bài viết của tác giả Nguyễn Minh Oanh (2020), “Bàn luận về quyền thừa kế của cá nhân được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản”, Tạp chí Khoa học kiểm sát, số 4. Bài viết

của tác giả Nguyễn Huy Hoàng Nam (2022), “Kinh nghiệm pháp luật của một số quốc gia về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và xác định quyền thừa kế của cá nhân được sinh ra bằng phương pháp này”, Tạp chí Nghề luật, số 5. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường do tác giả Nguyễn Văn Hợi chủ nhiệm (2020), Bảo đảm quyền thừa kế của cá nhân được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản theo pháp luật Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội.

*(2) Các nghiên cứu ở nước ngoài*

Có thể kể đến những nghiên cứu như: bài viết của tác giả Helene S. Shapo (1997), “Matters of life and death: inheritance consequences of reproductive technologies”, trên Tạp chí Hofstra Law Review, số 25. Bài viết của tác giả Lisa Medford (2010), “Family law and estate law - reproductive technology - use of artificial reproductive technologies after the death of a parent”, Tạp chí University of Arkansas at Little Rock Law Review, số 39. Bài viết của tác giả Jane Marie Lewis (2012) về “New-age babies and age-old laws: the need for an intent-based approach in Tennessee to preserve parent-child succession for children of assisted reproductive technology” trên Tạp chí University of Memphis Law Review, số 43. Bài viết do tác giả Jillian Casey, Courtney Lee, and Sartaz Singh biên tập (2016), về Assisted Reproductive Technologies, trên Tạp chí Georgetown Journal of Gender and the Law, số 17.

*1.1.1.3. Nghiên cứu về quyền xác định nguồn gốc của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*

Có thể kể đến các nghiên cứu tiêu biểu sau:

*(1) Các nghiên cứu trong nước*

Có thể kể đến bài viết của tác giả Lê Thị Kim Chung (2004), “Những vấn đề nảy sinh từ quy định về xác định cha, mẹ cho con sinh ra nhờ kỹ thuật hỗ trợ sinh sản”, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 9. Luận văn Thạc sĩ của tác giả Nguyễn Đôn Cường (2017), về “Thực trạng xác định quyền nhân thân khi sinh con theo phương pháp khoa học” (Trường Đại học Luật Hà Nội). Luận án Tiến sĩ của tác giả Nguyễn Thị Lan (2008) về “Xác định cha, mẹ, con trong pháp luật Việt Nam” (Trường Đại học Luật Hà Nội).

*(2) Các nghiên cứu ở nước ngoài*

Sách của tác giả Richard Jonh Blauwhoff (2009), “A comparative law study on children’s right to know their genetic origins”, nhà xuất bản Intersentia. Bài viết của tác giả Rebecca Johns (2013), “Abolishing Anonymity: A Rights-Based Approach to Evaluating Anonymous Sperm Donation”, trên Tạp chí Ucla Women’s law, số 20. Bài viết của tác giả Messing Nicole J (2012), “Protecting a Man's right to Choose: Why Mandatory Identity Release for Sperm Donors Is a Bad Idea”, Tạp chí Medicine

and Law, số 16. Sách do tác giả Nidhi Sharma, Sudakshina Chakrabarti, Yona Barak, Adrian Ellenbogen đồng chủ biên (2020), Innovations in assisted reproduction technology, Nhà xuất bản IntechOpen.

*1.1.1.4. Nghiên cứu về trách nhiệm của cơ sở y tế hoặc người tham gia hỗ trợ sinh sản*

*(1) Các nghiên cứu trong nước*

Các nghiên cứu trong nước không thực sự tập trung vào chủ đề trách nhiệm của cơ sở y tế khi hỗ trợ sinh sản. Tuy vậy, có thể kể tên một số công trình đề cập đến vấn đề này như sau: Bài viết của tác giả Nguyễn Văn Hợi và Hoàng Thị Loan (2022), “Một số vấn đề pháp lý về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản”, Tạp chí Pháp luật và thực tiễn, số 43. Bài viết của tác giả Nguyễn Thị Lan (2015), “Mang thai hộ và những vấn đề phát sinh”, Tạp chí Luật học, số 04.

*(2) Các nghiên cứu ở nước ngoài*

Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như sau:

Bài viết của tác giả Joshua Kleinfeld Source (2005), “Tort law and in vitro Fertilization: The need for legal recognition of “procreative injury”, trên Tạp chí The Yale Law, số 115. Bài viết của tác giả Dov Fox (2018), “Making things right when reproductive medicine goes wrong: reply to Robert Rabin, Carol Sanger and Gregory Keating”, trên Tạp chí Columbia Law Review Online, số 118. Bài viết của tác giả Karen A. Bussel (1991), “Adventures in Babysitting: Gestational Surrogate Mother Tort Liability”, trên Tạp chí Duke Law, số 41.

## **1.1.2. Đánh giá tổng quan về tình hình nghiên cứu**

*1.1.2.1. Những vấn đề đã được giải quyết*

Sau quá trình tổng hợp và phân tích các nghiên cứu được thực hiện trước đó, tác giả nhận thấy những vấn đề đã được đề cập, giải quyết bao gồm:

*Thứ nhất*, các nghiên cứu trong nước đã giới thiệu và phân tích cơ sở thực tiễn, lý luận cho sự phát triển của pháp luật về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

*Thứ hai*, các vấn đề như: xác định cha, mẹ cho con được sinh ra từ tinh trùng của người chết, quyền thừa kế của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, là những chủ đề rất được quan tâm.

*Thứ ba*, các tài liệu tham khảo nước ngoài đã cung cấp rất nhiều vấn đề pháp lý mới mẻ thông qua vụ việc phát sinh trong thực tiễn. Kết quả nghiên cứu và tổng hợp từ tài liệu nước ngoài cho thấy: quan tâm đến quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đang là điều được nhiều quốc gia hướng đến.

### 1.1.2.2. Những vấn đề còn bỏ ngỏ cần được giải quyết

Mặc dù sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là một chủ đề khá gần gũi trong khoa học pháp lý Việt Nam, nhưng với đề tài về *Bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*, có thể nhận thấy những vấn đề còn bỏ ngỏ như sau:

Thứ nhất, so với nghiên cứu về kỹ thuật hỗ trợ sinh sản nói chung hoặc nghiên cứu về người áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản để sinh con, các nghiên cứu có đối tượng trung tâm là người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản còn tương đối hạn chế. Nói cách khác, dù có nhiều công trình nghiên cứu đã được thực hiện trước đó, nhưng góc nhìn và hướng tiếp cận lại không tập trung vào chủ thể là người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Thêm vào đó, nghiên cứu về quyền lợi của con thường chỉ tập trung vào một nhóm quyền cụ thể (ví dụ như quyền thừa kế) mà không phải là một tập hợp có hệ thống các quyền nhân thân và tài sản. Cũng bởi vì nghiên cứu chỉ giải quyết từng quyền một cách riêng lẻ, nên sự kết nối và tác động qua lại giữa các quyền khác nhau cũng chưa được phản ánh cụ thể.

Thứ hai, nhiều nghiên cứu đặt vấn đề về những điểm bất cập hoặc đề xuất ghi nhận quyền của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, nhưng lại chưa cho biết rõ nội dung quyền hay cách thức để thực hiện quyền.

Thứ ba, nghiên cứu về nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản chưa được thực hiện.

Thứ tư, hiện nay không có nhiều nghiên cứu kết hợp so sánh, đối chiếu từng vấn đề giữa thực tiễn và pháp luật nước ngoài với Việt Nam.

Như vậy, quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản chưa nhận được nhiều sự quan tâm trong các nghiên cứu đã thực hiện trước đó ở Việt Nam. Điều này khiến cho các vấn đề tồn tại dưới góc độ thực tiễn, lý luận hay pháp lý, chưa được thúc đẩy thay đổi và hoàn thiện một cách mạnh mẽ. Với những vấn đề còn bỏ ngỏ như trên, đề tài “Bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản theo pháp luật Việt Nam” dự kiến sẽ là một nghiên cứu chuyên sâu đầu tiên tìm hiểu về quyền lợi nhân thân và tài sản của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, cũng như những giải pháp pháp lý để bảo vệ nhóm chủ thể này.

## 1.2. Câu hỏi nghiên cứu

Việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản hiện nay đã được pháp luật thừa nhận, nhưng các quy định chủ yếu tập trung bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ độc thân và cặp vợ chồng vô sinh; *pháp luật Việt Nam đã đủ chặt chẽ để bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản hay chưa? Trong tương lai,*

*pháp luật cần được hoàn thiện như thế nào để quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được bảo vệ một cách thoả đáng?*

### **1.3. Giả thuyết nghiên cứu**

Pháp luật Việt Nam hiện đã có quy định bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, nhưng mức độ bảo vệ chưa thích đáng. Thực tiễn pháp lý về hỗ trợ sinh sản đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến quyền lợi của người con chưa được pháp luật giải quyết. Trong tương lai, pháp luật Việt Nam cần được điều chỉnh để bảo vệ một cách tốt hơn quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

### **1.4. Lý thuyết nghiên cứu**

Luận án được thực hiện dựa trên các lý thuyết nghiên cứu sau:

Thứ nhất, lý thuyết pháp luật của Mác (Marxian legal theory)

Thứ hai, lý thuyết về luật tự nhiên (Natural law theory)

Thứ ba, lý thuyết về cam kết không thể chối bỏ (Promissory Estoppel Theory)

Thứ tư, lý thuyết lợi ích (The Interest Theory)

Thứ năm, lý thuyết về chủ thể dễ bị tổn thương (hay có thể gọi là chủ thể yếu thế - Vulnerability Theory)

### **1.5. Dự kiến kết quả nghiên cứu**

Luận án được dự kiến sẽ là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách chuyên sâu về bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Các vấn đề được Luận án hướng đến giải quyết bao gồm:

*Thứ nhất, về mặt lý luận*

Luận án cung cấp cơ sở lý luận cho việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

*Thứ hai, về pháp luật thực định*

Luận án xác định các quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đã được pháp luật ghi nhận. Trên cơ sở đối chiếu giữa pháp luật thực định với thực tiễn trong và ngoài nước, Luận án nhìn nhận những vấn đề pháp luật còn bỏ ngỏ. Luận án đề xuất các giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

*Thứ ba, về mặt xã hội*

Thông qua nghiên cứu quan hệ pháp luật về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, tác giả đồng thời cho thấy những tác động, ảnh hưởng của các mối quan hệ xã hội đối với quyền và lợi ích chính đáng của người con nói chung và cá nhân được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản nói riêng. Nhờ vậy, nhận thức xã hội sẽ được nâng cao, quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được

tôn trọng và có điều kiện được bảo vệ một cách bình đẳng với các cá nhân khác trong xã hội.

## **CHƯƠNG 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI CON ĐƯỢC SINH RA BẰNG KỸ THUẬT HỖ TRỢ SINH SẢN**

### **2.1. Khái niệm, đặc điểm về bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

#### **2.1.1. Khái niệm về người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

##### *2.1.1.1. Khái niệm về người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*

*Kỹ thuật hỗ trợ sinh sản* là các cách thức, phương pháp khoa học để giúp cho việc thụ thai và sinh con được diễn ra, mà không thông qua việc quan hệ tình dục. Theo đó, sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản không phải là kết quả của một quá trình sinh học tự nhiên, mà là kết quả của việc áp dụng khoa học, với sự tham gia của nhiều chủ thể hỗ trợ, bên cạnh người có nhu cầu sinh con.

*Từ khái niệm về kỹ thuật hỗ trợ sinh sản nêu trên, có thể hiểu: “người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản” là người được thụ thai và sinh ra thông qua việc áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Thuật ngữ “người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản” được sử dụng để phân biệt với thuật ngữ “người con được sinh ra bằng cách thức tự nhiên” - tức cha mẹ quan hệ tình dục để mang thai và sinh con.*

##### *2.1.1.2. Khái niệm về bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*

*“Bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là việc ghi nhận các quyền, lợi ích của người con, nghĩa vụ của các chủ thể khác có liên quan và thực hiện các biện pháp xử lý khi quyền lợi bị xâm phạm, nhằm giúp cho quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được tôn trọng và nghiêm túc thực hiện”.*

#### **2.1.2. Đặc điểm của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

##### *2.1.2.1. Đặc điểm của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*

Thứ nhất, người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có thể mang nguồn gốc huyết thống khác với cha, mẹ và các thành viên khác trong gia đình.

Thứ hai, người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có thể không xác định được nguồn gốc sinh học của mình.

Thứ ba, trẻ được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có thể có người cha, mẹ sinh học đã chết trước đó một khoảng thời gian dài.

Thứ tư, người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có thể được một người phụ nữ không được xác định là mẹ mang thai.

Thứ năm, trẻ được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có thể phải đối diện với nhiều vấn đề về sức khỏe, thể chất hơn so với trẻ được sinh ra bằng cách thức tự nhiên.

#### *2.1.2.2. Đặc điểm của việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*

Thứ nhất, việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa nội dung pháp luật và trình độ phát triển y học.

Thứ hai, việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được thực hiện ngay cả trong hoàn cảnh thiếu vắng các cơ sở y học hoặc pháp lý cụ thể.

Thứ ba, việc bảo vệ quyền và lợi ích của con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản chỉ đạt được hiệu quả khi có sự phối hợp của nhiều chủ thể khác nhau.

Thứ tư, việc bảo vệ lợi ích của người con sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được đặt ra một cách liên tục trong suốt cuộc đời của người này.

### **2.2. Sự cần thiết và ý nghĩa của việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

#### **2.2.1. Sự cần thiết của việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

Thứ nhất, các đặc điểm sinh học khiến trẻ được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cần được quan tâm và bảo vệ.

Thứ hai, các vấn đề về đạo đức – xã hội phát sinh khiến cho người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cần được bảo vệ.

Thứ ba, dưới góc độ pháp lý, việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đặt ra một số vấn đề về quyền của cá nhân nói chung và quyền trẻ em nói riêng.

#### **2.2.2. Ý nghĩa của việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

Thứ nhất, bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản giúp giảm thiểu những tác động tiêu cực của kỹ thuật hỗ trợ đối với người con nói riêng và xã hội nói chung.

Thứ hai, việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thể hiện sự quan tâm của pháp luật đối với nhóm chủ thể thiểu số.

Thứ ba, bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản giúp cân bằng lợi ích của các chủ thể trong quan hệ xã hội.

Thứ tư, bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thể hiện sự hội nhập của pháp luật Việt Nam khi bắt kịp xu hướng pháp lý trên thế giới trong việc ưu tiên và vì lợi ích tốt nhất của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

### **2.3. Các yếu tố tác động đến việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

Thứ nhất, yếu tố khoa học - kỹ thuật

Thứ hai, yếu tố đạo đức xã hội

Thứ ba, yếu tố tôn giáo

Thứ tư, yếu tố pháp luật: mặc dù có nhiều yếu tố có khả năng tác động đến quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, nhưng pháp luật vẫn luôn là một công cụ có tính điều tiết mạnh mẽ và hiệu quả nhất. Thông qua các quy phạm có tính bắt buộc, pháp luật đảm bảo quyền của người con được thừa nhận, tôn trọng và thực thi một cách thống nhất trên thực tế.

### **2.4. Biện pháp pháp lý bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

Thứ nhất, công nhận một cách chi tiết các quyền và lợi ích mà người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được hưởng.

Thứ hai, xác định chủ thể có trách nhiệm thể bảo vệ quyền lợi của người con ngay từ khi trẻ được sinh ra.

Thứ ba, quy định cụ thể nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan

Thứ tư, xây dựng các chế tài phù hợp để bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

### **2.5. Nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

Thứ nhất, không có sự phân biệt đối xử giữa người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản với những người con khác trong gia đình.

Thứ hai, việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản phải được thực hiện một cách xuyên suốt.

Thứ ba, việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản phải đảm bảo sự hài hoà, cân bằng lợi ích với các chủ thể khác và ổn định trật tự trong xã hội.

Thứ tư, nguyên tắc ưu tiên quyền lợi tốt nhất của trẻ được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

### **CHƯƠNG 3. BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI CON ĐƯỢC SINH RA BẰNG KỸ THUẬT HỖ TRỢ SINH SẢN THÔNG QUA VIỆC XÁC ĐỊNH CHA, MẸ**

#### **3.1. Tác động của việc xác định cha, mẹ trong việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

Đầu tiên, xác định cha, mẹ là cơ sở quan trọng để xác định quốc tịch và các quyền nhân thân khác của trẻ. Tiếp đến, xác định cha, mẹ cho con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là căn cứ xác định chủ thể có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Cùng với đó, xác định cha, mẹ là căn cứ để trẻ được đại diện và bảo vệ trong các quan hệ pháp luật. Cuối cùng, xác định cha, mẹ mang đến cơ hội để người con được hưởng thừa kế theo pháp luật từ cha, mẹ và các thành viên khác trong gia đình.

#### **3.2. Xác định cha, mẹ trong trường hợp người áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản tự mang thai và sinh con**

##### **3.2.1. Nguyên tắc xác định cha, mẹ trong trường hợp người áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản tự mang thai và sinh con theo quy định hiện hành**

Khi người phụ nữ độc thân hoặc người vợ trong cặp vợ chồng vô sinh tự mang thai và sinh con thì quan hệ cha, mẹ - con sẽ được xác lập theo nguyên tắc quy định tại Điều 93 Luật HN&GD năm 2014.

##### **3.2.2. Xác định cha cho con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thông qua sự thoả thuận**

*3.2.2.1. Khả năng xác định cha cho con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thông qua sự thoả thuận theo pháp luật Việt Nam và một số quốc gia*

Pháp luật Việt Nam hiện hành không có quy định cụ thể cho phép xác định cha cho con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản bởi người phụ nữ độc thân, thông qua sự thoả thuận. Đồng thời, việc xác định cha trong hoàn cảnh này gặp trở ngại lớn bởi sự tồn tại của nguyên tắc vô danh và bảo mật thông tin của người hiến tinh trùng.

*Nguyện vọng của người hiến tinh trùng trong việc xác lập mối quan hệ pháp lý với trẻ được sinh ra không phải là một vấn đề xa lạ đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Re Patrick<sup>6</sup> là một trong những vụ việc đầu tiên của Australia, cũng như trên thế giới đặt ra vấn đề liệu rằng người hiến tinh trùng có quyền thăm nom trẻ được sinh ra dưới góc độ Luật gia đình hay không. Pháp luật một số Bang ở Hoa Kỳ đã thừa*

<sup>6</sup> Xem vụ việc: Re Patrick 28 Fam LR 579 (2002).

Xem thêm vụ việc và một số vụ việc khác tại: Patrick Parkinson, Juliet Behrens (2012), *Australian family law in context: commentary and materials*, Thomson Reuters, p. 819, 820.

nhận quan hệ cha – con khi thoả mãn các yêu cầu Luật định. Pháp luật Anh Quốc cũng có quy định về sự chấp thuận xác lập quan hệ cha – con đối với trẻ được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản nếu chưa có ai khác theo quy định có khả năng được thừa nhận là cha.

### *3.2.2.2. Cơ sở thừa nhận việc xác định cha cho con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thông qua sự thoả thuận*

Thực ra pháp luật HN&GD Việt Nam hiện hành đã thừa nhận khả năng thoả thuận để xác định cha cho con. Khoản 1 Điều 88 quy định: “con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng”. Quy định này đã gián tiếp cho phép việc thoả thuận để thiết lập nên quan hệ cha – con. Tuy vậy, Điều 88 Luật HN&GD năm 2014 được áp dụng trong trường hợp giữa những người thoả thuận tồn tại quan hệ vợ chồng. Ngược lại, trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, pháp luật không có quy định tương ứng cho phép tạo lập mối quan hệ cha – con dựa trên sự đồng thuận của các bên không phải là vợ chồng.

Trong tương lai, pháp luật nên cho phép người phụ nữ độc thân và người đàn ông độc thân hiến tinh trùng thoả thuận về việc người đàn ông có thể thiết lập quan hệ cha – con với trẻ được sinh ra. Điều này xuất phát từ những lý do như sau:

Thứ nhất, sự thừa nhận này đảm bảo nguyên tắc tự định đoạt trong quan hệ dân sự.

Thứ hai, việc cho phép xác định cả cha và mẹ đảm bảo tốt hơn cho quyền lợi của trẻ được sinh ra bởi người phụ nữ độc thân áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

### *3.2.2.3. Kiến nghị về việc xác định cha cho con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thông qua sự thoả thuận*

Từ những cơ sở thực tiễn và pháp lý trong và ngoài nước, có thể thấy việc cho phép thoả thuận xác lập quan hệ cha – con, thể hiện những tác động tích cực đối với cả người hiến tinh trùng, người phụ nữ độc thân và đặc biệt là người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Để điều này có thể phát huy những ý nghĩa tốt đẹp trong việc điều chỉnh quan hệ sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, bên cạnh việc xem xét lại nội hàm của nguyên tắc bảo mật thông tin, tác giả đưa ra một số đề xuất liên quan như sau:

Thứ nhất, về chủ thể, việc thoả thuận xác định quan hệ cha – con chỉ nên được đặt ra giữa người đàn ông độc thân hiến tinh trùng và người phụ nữ độc thân áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

Thứ hai, về thời điểm thoả thuận, các chủ thể phải thoả thuận về ý định xác lập mối quan hệ cha – con trước khi người phụ nữ độc thân bắt đầu áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

Thứ ba, về hình thức, tương tự như các loại thoả thuận áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản khác, thoả thuận xác định cha cho con nên được thể hiện bằng văn bản có công chứng.

### **3.2.3. Xác định cha, mẹ cho con được sinh ra do cấy nhằm phôi, noãn, tinh trùng**

Cho đến thời điểm hiện tại, gần như chưa có báo cáo cụ thể nào cho thấy trường hợp cấy sai phôi, noãn, hoặc tinh trùng trong quá trình áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được thực hiện tại Việt Nam.<sup>7</sup> Gần đây, để ngăn chặn các rủi ro có thể xảy ra, Bộ Y tế ban hành Công văn số: 3704/BYT-BM-TE. Nội dung của văn bản đã đề cập đến các biện pháp tăng cường chống nhằm phôi, noãn, tinh trùng.<sup>8</sup> Trên thế giới, việc tưởng chừng rất khó có thể xảy ra này lại là điều không hiếm gặp tại nhiều quốc gia có nền y học phát triển như: Hoa Kỳ, Anh Quốc, Hà Lan hay Singapore.<sup>9</sup>

Dựa trên thực tiễn và kinh nghiệm diễn ra tại một số quốc gia, tác giả đưa ra hướng xác định quan hệ cha, mẹ - con theo một số trường hợp như sau:

#### *3.2.3.1. Xác định cha, mẹ trong trường hợp biết được thông tin của người có phôi, noãn, tinh trùng bị cấy nhằm*

*Một là, bên có vật liệu sinh sản được sử dụng và bên bị cấy nhằm vật liệu sinh sản có thoả thuận về việc xác định một trong hai bên có quan hệ cha, mẹ với trẻ. Nếu thoả thuận xuất phát từ sự tự nguyện, không vi phạm đạo đức và không xâm phạm đến quyền lợi về mọi mặt của người con thì thoả thuận nên được Toà án thừa nhận.*

*Hai là, bên có vật liệu sinh sản và bên bị cấy nhằm vật liệu sinh sản không thoả thuận được. Cả hai bên có thể đều muốn được xác định là cha, mẹ hoặc đều không muốn tồn tại quan hệ pháp lý với trẻ được sinh ra. Trong những trường hợp như vậy, quan hệ cha, mẹ - con cần được giải quyết dựa trên những căn cứ như sau: (i) quyền lợi của trẻ; (ii) khả năng tiếp tục sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; (iii) nguyên tắc xác định cha, mẹ cho con theo pháp luật hiện hành.*

<sup>7</sup> Thực ra, việc con được sinh ra do thụ tinh trong ống nghiệm nhưng không có cùng huyết thống với một bên hoặc cả hai bên, dù noãn của vợ và tinh trùng của chồng được sử dụng, đã từng được đề cập. Tuy vậy, bài viết không cho biết chính xác nguyên nhân của sự khác biệt về mặt di truyền này. Xem: <https://phantichadn.vn/me-bau-soc-vi-thai-trong-bung-chi-la-con-cua-chong-khong-phai-con-cua-minh.html> (truy cập ngày 28/11/2022).

<sup>8</sup> Xem mục 1 của Công văn Số: 3704/BYT-BM-TE của Bộ Y tế.

<sup>9</sup> Xem: Liebler Raizel (2002), “Are you my parent - Are you my child - The role of genetics and race in defining relationships after reproductive technological mistakes”, *DePaul Journal of Health Care Law*, Vol. 5, p. 15 – p. 56.

Và Dov Fox (2018), “Making things right when reproductive medicine goes wrong: reply to Robert Rabin, Carol Sanger, and Gregory Keating”, *Columbia Law Review Online*, Vol. 118, p. 101.

### 3.2.3.2. *Xác định cha, mẹ trong trường hợp không biết được thông tin của người có phôi, noãn, tinh trùng bị cấy nhằm và kiến nghị hoàn thiện pháp luật*

Tham khảo kinh nghiệm từ thực tiễn và pháp luật thành văn của Singapore, tác giả cho rằng: khi việc cấy nhằm phôi, noãn, tinh trùng diễn ra, cho dù bên sinh con không có cùng huyết thống với trẻ, quan hệ cha, mẹ - con vẫn cần được thừa nhận. Nói cách khác, dù kết quả không đạt được như mong muốn của bên áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, nhưng nguyên tắc tại Điều 93 Luật HN&GD năm 2014 vẫn cần được áp dụng để xác định cha, mẹ cho trẻ. Để chuẩn bị tâm lý đón nhận kết quả xác định cha, mẹ, cũng như nâng cao ý thức trách nhiệm của người áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, tác giả đề xuất bổ sung quy định về nội dung tư vấn cho người áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

### 3.2.4. **Xác định cha cho con được sinh ra nhờ việc sử dụng tinh trùng của người chết**

#### 3.2.4.1. *Khả năng sinh con từ tinh trùng của người chết và xác định cha cho con theo pháp luật Việt Nam và một số quốc gia*

Theo Điều 21 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP, noãn và tinh trùng của người chết sẽ vẫn được lưu giữ nếu: “*vợ hoặc chồng của người đó có đơn đề nghị lưu giữ và vẫn duy trì đóng phí lưu giữ, bảo quản*”. Mặt khác, Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP quy định: người vợ hoặc người chồng sử dụng tinh trùng, noãn, của người chồng hoặc vợ đã chết “*làm phát sinh các quan hệ ngoài quan hệ hôn nhân gia đình thì thực hiện theo quy định của pháp luật hôn nhân gia đình và pháp luật dân sự*”. Quy định trên có đề cập đến hệ quả của việc sử dụng noãn hoặc tinh trùng của người chết, song nội dung của điều khoản còn khó hiểu. Việc viện dẫn Luật HN&GD và pháp luật dân sự chưa được thể hiện rõ nét vì khái niệm “*quan hệ ngoài quan hệ hôn nhân gia đình*” còn khá mơ hồ.

Điều 93 Luật HN&GD năm 2014 viện dẫn nguyên tắc xác định con chung của vợ chồng khi con được sinh ra bằng cách thức tự nhiên cho trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Quy định này đã giới hạn xác định cha cho con được sinh ra trong vòng 300 ngày kể từ ngày hôn nhân chấm dứt.

Sinh con từ noãn, tinh trùng của người chết không phải là vấn đề còn xa lạ đối với nhiều quốc gia. Một số quốc gia cấm việc sinh con từ tinh trùng của người đàn ông đã chết (như Pháp, Đức, Thụy Điển...).<sup>10</sup> Trong khi đó, một số quốc gia khác như Hoa Kỳ, hoặc Anh Quốc vẫn ghi nhận khả năng này. Từ đây, quan hệ giữa trẻ

<sup>10</sup> Xem Kelton Tremellen, Julian Savulescu (2015), “A discussion supporting resumed consent for posthumous sperm procurement and conception”, *Reproductive Healthcare*, Vol. 30, p. 7.

được sinh ra và người có tinh trùng được sử dụng vẫn được pháp luật thừa nhận theo những điều kiện và giới hạn nhất định.

*3.2.4.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về việc sử dụng tinh trùng của người chết để sinh con và xác định cha cho con*

Đề dung hoà nhu cầu duy trì nòi giống với lợi ích của trẻ được sinh ra, cũng như trật tự của xã hội, tác giả cho rằng cần giải quyết hai vấn đề như sau:

*Thứ nhất*, pháp luật cần có sự hạn chế đối với việc sinh con từ noãn, tinh trùng của người chết. *Thứ hai*, khi việc sinh con từ noãn, tinh trùng của người chết đã diễn ra, người con cần được xác định đầy đủ cha và mẹ. Từ các cơ sở kể trên, tác giả đề xuất bổ sung nội dung của Khoản 2 Điều 93 Luật HN&GD năm 2014.

### **3.3. Xác định cha, mẹ cho con trong trường hợp mang thai hộ**

#### **3.3.1. Nguyên tắc xác định cha, mẹ cho con trong trường hợp mang thai hộ theo pháp luật hiện hành**

Khác với các trường hợp áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đã nêu trước đó, việc xác định quan hệ cha, mẹ - con trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo được quy định riêng tại Điều 94 Luật HN&GD năm 2014. Theo đó, “con sinh ra trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là con chung của vợ chồng nhờ mang thai hộ kể từ thời điểm con được sinh ra”.

#### **3.3.2. Xác định cha, mẹ cho con khi có sự vi phạm pháp luật về mang thai hộ**

*3.3.2.1. Hoàn cảnh pháp lý tại Việt Nam và kinh nghiệm của một số quốc gia trong việc xác định cha, mẹ cho con khi có sự vi phạm pháp luật về mang thai hộ*

Pháp luật hiện hành đã có quy định về xác định cha, mẹ cho con được sinh ra trong trường hợp mang thai hộ. Vấn đề đặt ra là: khi việc mang thai hộ vi phạm một hoặc một số yêu cầu mà pháp luật đặt ra thì quan hệ cha, mẹ - con sẽ được xác lập giữa những chủ thể nào? Hiện nay Luật HN&GD cũng như các quy định khác có liên quan chưa cho câu trả lời cụ thể để giải quyết hoàn cảnh này.

Về vấn đề này, *Luật Thống nhất về Quan hệ cha, mẹ - con Hoa Kỳ năm 2017*<sup>11</sup> đưa ra hướng xử lý như sau: “trong trường hợp con sinh ra là kết quả của một thoả thuận mang thai hộ không được công nhận hiệu lực thì việc xác định quan hệ cha mẹ được thực hiện theo quy định từ Chương 1 đến Chương 6. Nói một cách cụ thể hơn thì quan hệ cha, mẹ - con lúc này không được giải quyết theo quy định của Chương 8 (thoả thuận mang thai).<sup>12</sup>

<sup>11</sup> Sử dụng cho các Bang có sự chấp nhận áp dụng.

<sup>12</sup> Điều 103 Luật Thống nhất về Quan hệ cha, mẹ - con năm 2017.

*Tác giả cho rằng tùy thuộc vào từng loại vi phạm để đánh giá mức độ nghiêm trọng của việc xâm phạm các nguyên tắc được pháp luật HN&GD bảo vệ, để từ đó xác định quan hệ cha, mẹ - con. Trong đó có thể chia thành hai trường hợp được trình bày tiếp sau đây.*

*3.3.2.2. Xác định cha, mẹ trong trường hợp việc mang thai hộ đảm bảo bản chất của quan hệ hỗ trợ sinh sản và không vì mục đích thương mại*

Tác giả cho rằng, vẫn nên thừa nhận quan hệ cha, mẹ - con giữa cặp vợ chồng vô sinh và trẻ được sinh ra. Bên cạnh nguyên vọng chính đáng của cặp vợ chồng vô sinh, việc xác định quan hệ cha, mẹ - con như trên giúp đảm bảo quyền lợi của trẻ.

*3.3.2.3. Xác định cha, mẹ trong trường hợp việc mang thai hộ không mang bản chất của quan hệ hỗ trợ sinh sản vì mục đích nhân đạo và kiến nghị hoàn thiện pháp luật*

Nếu bên mang thai hộ không mong muốn xác lập quan hệ cha, mẹ - con với trẻ được sinh ra, trong khi bên nhờ mang thai hộ mong muốn được công nhận là cha, mẹ, Toà án có thể giải quyết theo hướng công nhận cho bên nhờ mang thai hộ có tư cách cha, mẹ.

Trường hợp cả bên mang thai hộ và bên nhờ mang thai đều mong muốn trở thành cha, mẹ của trẻ được sinh ra: Theo nguyên tắc chung, việc xác định cha, mẹ có phát sinh tranh chấp sẽ được Toà án giải quyết.<sup>13</sup> Kết quả xác định cha, mẹ có thể được *cân nhắc* theo Điều 93 Luật HN&GD năm 2014.

---

<sup>13</sup> Xem Điều 99 Luật HN&GD năm 2014.

## **CHƯƠNG 4. BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI CON ĐƯỢC SINH RA BẰNG KỸ THUẬT HỖ TRỢ SINH SẢN THÔNG QUA VIỆC XÁC ĐỊNH VÀ THỰC HIỆN QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁC CHỦ THỂ**

### **4.1. Bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thông qua việc thừa nhận các quyền nhân thân và tài sản cụ thể**

#### **4.1.1. Khái quát về quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

Người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được pháp luật thừa nhận các quyền và lợi ích về nhân thân, tài sản một cách bình đẳng như những cá nhân khác trong xã hội. Về nguyên tắc, pháp luật “không có sự phân biệt đối xử giữa những người con”<sup>14</sup>. Mặc dù sự tương đồng kể trên, trong một số trường hợp, những đặc điểm riêng biệt của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản khiến cho nội dung các quyền cụ thể cần được điều chỉnh để trở nên phù hợp hơn với nhóm chủ thể này. Ngược lại, nếu chỉ áp dụng các nguyên tắc chung như những chủ thể khác, quyền lợi của người con có thể bị ảnh hưởng hoặc bị hạn chế.

#### **4.1.2. Quyền xác định quốc tịch của người con được mang thai hộ và sinh ra ở nước ngoài**

##### *4.1.2.1. Sự cần thiết của việc xác định quốc tịch cho con được mang thai hộ và sinh ra ở nước ngoài*

Cũng như mọi cá nhân khác, người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có quyền có quốc tịch từ khi được sinh ra.<sup>15</sup> Tuy vậy, thực tiễn pháp lý diễn ra tại nhiều quốc gia cho thấy hoàn cảnh phát sinh từ việc mang thai hộ thương mại xuyên quốc gia<sup>16</sup> có khả năng khiến cho trẻ rơi vào tình trạng không quốc tịch. Nói một cách cụ thể hơn, khi việc mang thai hộ vì mục đích thương mại không được thừa nhận, cùng với sự xung đột trong pháp luật nội dung của các quốc gia, trẻ phải đối diện với nguy cơ không được xác định cha mẹ, từ đó không được xác định quốc tịch.

<sup>14</sup> Điều 2 Luật HN&GD năm 2014.

<sup>15</sup> Điều 15 Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền, Điều 7 Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em, Điều 24 Công ước quốc tế về Quyền dân sự, chính trị, Điều 31 BLDS năm 2015.

<sup>16</sup> Mang thai hộ xuyên quốc gia (“cross-border surrogacy” hay “transnational surrogacy”) là thuật ngữ để chỉ việc những người di chuyển từ một quốc gia cầm mang thai hộ hoặc có giá dịch vụ mang thai hộ đắt đỏ đến những quốc gia cho phép hoặc không có quy định cụ thể về mang thai hộ hoặc có giá dịch vụ thấp hơn để nhờ mang thai hộ. Xem: Pande, A. (2014), *Wombs in labor: transnational commercial surrogacy in India*, Columbia University Press. Xem thêm: Palattiyil George, Eric Blyth, Dina Sidhva, Geeta Balakrishnan (2010), “Globalization and cross-border reproductive services: ethical implications of surrogacy in India for social work”, *International Social Work*, Vol. 53, p. 687.

*4.1.2.2. Các giải pháp hạn chế tình trạng không quốc tịch của người con được mang thai hộ và sinh ra ở nước ngoài, kiến nghị hướng xử lý*

Giải pháp thứ nhất, áp dụng nguyên tắc xác định quốc tịch theo nơi sinh hoặc quốc tịch theo người mang thai hộ hoặc theo người nhờ mang thai hộ khi trẻ rơi vào tình trạng không quốc tịch.

Giải pháp thứ hai, áp dụng một giải pháp có tính quốc tế bằng cách ký kết các văn bản pháp lý nhằm loại bỏ tình trạng không quốc tịch.

Giải pháp thứ ba, hướng đến giải quyết vấn đề nơi nguồn gốc của tình trạng không quốc tịch của trẻ em diễn ra – tại quốc gia cho phép mang thai hộ

Giải pháp thứ tư, giải pháp này không hướng đến việc đặt ra những nguyên tắc chung cho tất cả các quốc gia hoặc tất cả các trường hợp

Kế thừa các quy định đang tồn tại, tác giả cho rằng, nếu trẻ đã được nhập cảnh vào Việt Nam và hiện không có quốc tịch thì việc xem xét, thừa nhận tư cách công dân Việt Nam là điều nên được giải quyết.

### **4.1.3. Quyền xác định nguồn gốc của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

*4.1.3.1 Khả năng xác định nguồn gốc của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản theo pháp luật hiện hành*

Pháp luật hiện hành không có quy định cấm xác định nguồn gốc sinh học của người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Trong lĩnh vực sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, quyền xác định nguồn gốc khó được thực hiện khi một trong những nguyên tắc cơ bản hiện đang được ghi nhận là “*bảo mật thông tin*” của người hiến noãn hoặc tinh trùng.<sup>17</sup> Thông tin của người hiến noãn hoặc tinh trùng phải đảm bảo tính vô danh để không xác định được người hiến.<sup>18</sup> Với yêu cầu kể trên, việc xác định một cách cụ thể cha, mẹ về mặt huyết thống của người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là điều gần như không thể thực hiện.

*4.1.3.2. Xu hướng pháp lý của một số quốc gia trên thế giới về quyền xác định nguồn gốc của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*

Trên thế giới hiện đang tồn tại ba xu hướng chính được nhận xét là liên quan đến vấn đề xác định nguồn gốc của con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

Thứ nhất, nguyên tắc ẩn danh

Thứ hai, nguyên tắc cấm ẩn danh và cho phép con sinh ra xác định nguồn gốc

Thứ ba, không có quy định cụ thể

<sup>17</sup> Xem: Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP; Điều 11 Luật Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác năm 2006.

<sup>18</sup> Điều 38 Luật Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác năm 2006.

#### *4.1.3.3. Sự cần thiết của việc xác định nguồn gốc đối với người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*

Có thể thấy, khá nhiều quan điểm pháp lý tồn tại quanh vấn đề xác định nguồn gốc của con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. *Mặc dù vậy, không thể phủ nhận rằng việc ghi nhận quyền xác định cha, mẹ sinh học mang lại những lợi ích thiết thực cho người con, cụ thể như sau:*

Thứ nhất, xác định nguồn gốc là một trong những cơ sở quan trọng để xác định, chuẩn đoán hoặc điều trị các bệnh lý liên quan đến di truyền.

Thứ hai, việc xác định nguồn gốc giúp loại trừ khả năng kết hôn cận huyết.

Thứ ba, xác định nguồn gốc sinh học được xem như một trong những nhu cầu rất đổi bản năng và tự nhiên của mỗi con người.

#### *4.1.3.4. Kiến nghị về quyền xác định nguồn gốc của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*

Thông qua việc học hỏi kinh nghiệm từ pháp luật và thực tiễn xét xử của một số quốc gia, tác giả cho rằng, việc thừa nhận quyền xác định nguồn gốc đối với những người được sinh ra thông qua việc nhận noãn, tinh trùng hay phôi là rất cần thiết đối với quá trình bảo vệ quyền của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. *Việc thừa nhận quyền xác định nguồn gốc cần được thực hiện trên những yêu cầu sau:*

Thứ nhất, điều kiện và nội dung thông tin về nguồn gốc mà một người được phép tiếp cận.

Thứ hai, mức độ công khai thông tin của người hiến noãn hoặc tinh trùng.

Thứ ba, thời điểm người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được phép yêu cầu xác định nguồn gốc.

#### **4.1.4 Quyền được hưởng di sản thừa kế của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

Trong mối quan hệ với pháp luật thừa kế hiện hành, việc được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đặt ra các vấn đề: (i) người con thành thai và được sinh ra sau thời điểm mở thừa kế không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 613 BLDS năm 2015 và (ii) người con được mang thai hộ hoặc không có cùng huyết thống với cha, mẹ hoặc cả hai, dẫn đến yêu cầu xem xét các khái niệm “cha đẻ”, “mẹ đẻ”, “con đẻ”, “anh ruột”, “chị ruột”, “em ruột”, “cháu ruột”, “cô ruột”... theo Điều 651 BLDS năm 2015. Trong hai trường hợp này kết quả xác định quan hệ cha, mẹ con một cách đơn thuần chưa đủ để giải quyết quyền thừa kế của người con đối với cha, mẹ hoặc các thành viên trong gia đình một cách triệt để.

*4.1.4.1. Khả năng hưởng di sản của người con thành thai và được sinh ra sau thời điểm mở thừa kế và kiến nghị hoàn thiện pháp luật*

Điều 613 BLDS năm 2015 quy định: “Người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế *nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết*”. Phần nội dung trước đã cho thấy khả năng trẻ được sinh ra từ tinh trùng của người chết. Trong hoàn cảnh này, việc thành thai và sinh ra đều diễn ra *sau thời điểm mở thừa kế*. Dù quan hệ cha – con đã được đề xuất thừa nhận, nhưng sự tồn tại của Điều 613 BLDS năm 2015 vẫn đặt ra câu hỏi về việc: người con được sinh ra trong hoàn cảnh này có được hưởng di sản thừa kế của cha hay không? Tác giả đề xuất cho phép người con được hưởng di sản thừa kế theo các điều kiện và giới hạn nhất định. Đề xuất hướng đến bảo vệ quyền lợi của người con một cách hài hoà với lợi ích của các đồng thừa kế khác.

*4.1.4.2. Yếu tố huyết thống trong quan hệ thừa kế theo pháp luật của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và kiến nghị giải thích pháp luật*

Thông thường, con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vẫn có cùng huyết thống với người được xác định là cha, mẹ. Tuy vậy, không hiếm các trường hợp, để việc sinh con diễn ra thành công, noãn, tinh trùng do hiến tặng được sử dụng để tạo phôi. Điều này khiến cho con không có cùng huyết thống với cha, mẹ, và các thành viên khác trong gia đình. Trong khi đó, thừa kế theo pháp luật dựa trên hàng thừa kế, diện thừa kế và mối quan hệ huyết thống là một yêu cầu phổ biến giữa những người thừa kế (bên cạnh quan hệ hôn nhân và quan hệ nuôi dưỡng).<sup>19</sup> Nếu chỉ sử dụng cách hiểu thông thường - dựa trên mối quan hệ huyết thống, thì các yếu tố sinh học xuất phát từ việc trẻ được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ đã vô tình tạo nên một sự hạn chế đối với khả năng trở thành người thừa kế trong nhiều trường hợp.

Đề cập đến mối quan hệ huyết thống, Điều 651 BLDS năm 2015 sử dụng thuật ngữ “ruột”, chẳng hạn, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết; chất ruột của người chết. Câu hỏi đặt ra là: nếu không cùng huyết thống với cha, mẹ và các thành viên khác trong gia đình thì người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có được hưởng thừa kế theo pháp luật hay không? Về vấn đề này, tác giả cho rằng: việc sinh ra nhờ nhận noãn, tinh trùng, dẫn đến sự khác biệt về nguồn gốc sinh học, không ảnh hưởng đến khả năng hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của người con.

<sup>19</sup> Xem thêm: Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh (2023), *Giáo trình pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế*, Nxb. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam, tr. 570 – tr. 572.

## **4.2. Bảo vệ quyền lợi của người con thông qua việc xác định nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

Khác với người được hỗ trợ và bên hỗ trợ sinh sản, trẻ không thể tự chủ động bảo vệ quyền lợi của mình. Bảo vệ quyền lợi của người con vì thế không chỉ là việc ghi nhận thêm các quyền pháp lý cụ thể. Bảo vệ quyền lợi của người con còn là hoạt động xuất phát từ chính ý thức trách nhiệm của những người mà thông qua ý muốn và hành vi của họ, trẻ đã được sinh ra.

### **4.2.1. Nghĩa vụ của người áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản để sinh con và kiến nghị hoàn thiện pháp luật**

*Trong số các nghĩa vụ được đề cập, tác giả cho rằng nghĩa vụ tiếp nhận con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là điều rất quan trọng.* Đây được xem là tiền đề để việc chăm sóc, nuôi dưỡng và thực hiện các trách nhiệm của cha, mẹ được diễn ra trên thực tế. Điều 98 Luật HN&GD năm 2014 đã đề cập đến vấn đề này như sau: “Bên nhờ mang thai hộ không được từ chối *nhận* con”. Phạm vi của quy định này chỉ giới hạn trong trường hợp mang thai hộ, nhưng hướng điều chỉnh trên nên được áp dụng đối với tất cả những trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản nói chung.

*Vấn đề đặt ra là nếu người áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vi phạm nghĩa vụ nhận con thì họ có phải gánh chịu chế tài nào theo pháp luật HN&GD hay không?* Tác giả cho rằng, việc ghi nhận một chế tài có tính phòng ngừa, răn đe, cũng như thể hiện đúng mức độ của sự vi phạm có một ý nghĩa nhất định trong việc nâng cao tinh thần trách nhiệm của cha, mẹ đối với người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

### **4.2.2. Nghĩa vụ của cơ sở y tế thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và kiến nghị hoàn thiện pháp luật**

Nhằm hướng đến mục tiêu bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, cơ sở y tế, bác sỹ và các nhân viên y tế có một số trách nhiệm nổi bật cần được chú trọng, cụ thể (1) *thực hiện đúng quy trình y học - kỹ thuật và (2) bảo mật, lưu trữ thông tin đã tiếp nhận theo quy định của pháp luật.* Trong đó, việc thực hiện đúng quy trình y học - kỹ thuật là một nghĩa vụ tối quan trọng trong quá trình hỗ trợ sinh sản. Điều này không chỉ mang lại cơ hội có con cho người phụ nữ độc thân và cặp vợ chồng vô sinh, mà còn giảm thiểu tối đa các rủi ro y tế có thể xảy ra đến với người con.

Hiện nay, “các cơ sở thực hiện thụ tinh trong ống nghiệm phải tổ chức lưu trữ thông tin, dữ liệu về các trường hợp cho, nhận tinh trùng, noãn, phôi và mang thai hộ

vì mục đích nhân đạo trong *ít nhất 20 (hai mươi) năm*, kể từ ngày kết thúc đợt điều trị sau cùng”<sup>20</sup>. Quy định này bước đầu đã tạo điều kiện truy xuất thông tin của người con. Tuy vậy, so với độ tuổi mà người con bắt đầu có những suy nghĩ nghiêm túc về nguồn gốc hoặc nhu cầu kết hôn thì quy định về thời gian như trên lại chưa thực sự hợp lý.

Xuất phát từ kiến nghị về quyền xác định nguồn gốc được nêu tại phần 4.1.3.4 và việc tham khảo pháp luật nước ngoài về thời gian lưu trữ thông tin, tác giả đề xuất, theo hướng mở rộng khoảng thời gian lưu giữ thông tin của người hiến noãn, tinh trùng.

#### **4.2.3. Nghĩa vụ của người hiến noãn, tinh trùng, người mang thai hộ và kiến nghị hoàn thiện pháp luật**

Quá trình hỗ trợ sinh sản đòi hỏi sự phối hợp một cách chặt chẽ giữa người cần được hỗ trợ, cơ sở y tế và người hiến noãn, tinh trùng hoặc người mang thai hộ. Mặc dù việc giúp cho người khác mang thai và sinh con trong nhiều trường hợp xuất phát từ sự tự nguyện không vụ lợi, nhưng một khi đã chấp nhận tham gia vào quá trình này, người hiến giao tử hoặc mang thai hộ bị ràng buộc bởi một số nghĩa vụ nhất định. *Cũng như các yêu cầu đặt ra đối với cơ sở khám, chữa bệnh, việc đặt ra nghĩa vụ cho người hiến noãn, tinh trùng, người mang thai hộ, giúp cho chủ thể ý thức rõ được trách nhiệm của mình khi tham gia vào quá trình hỗ trợ sinh sản, cũng như vai trò của họ trong việc bảo vệ quyền lợi của trẻ được sinh ra.* Trong mối liên hệ với trẻ được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, bên hiến noãn, tinh trùng hoặc mang thai hộ có các nghĩa vụ như sau:

Thứ nhất, nghĩa vụ cung cấp thông tin của người hiến noãn, tinh trùng

Thứ hai, nghĩa vụ của bên mang thai hộ trong việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

### **4.3. Thực hiện việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

#### **4.3.1. Bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản khi có hành vi xâm phạm**

Như đã trình bày ở phần nội dung trước, người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản tồn tại những khác biệt nhất định với người con được sinh ra bằng cách thức tự nhiên. Vì vậy, bên cạnh các biện pháp được áp dụng với một cá nhân nói chung, việc đặt ra các chế tài chuyên biệt để xử lý hành vi phạm giúp cho quyền

<sup>20</sup> Khoản 2 Điều 30 Thông tư số 57/2015/TT-BYT.

lợi của trẻ được nhanh chóng khôi phục, bù đắp. Trong nhiều trường hợp, quy định một cách cụ thể các chế tài còn có ý nghĩa răn đe, giáo dục hoặc phòng ngừa các sai phạm có thể xảy ra trong tương lai. Về vấn đề này, tác giả đưa ra một số đề xuất cụ thể như sau:

*Thứ nhất, đối với người áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản để sinh con*, nghĩa vụ nhận con được đánh giá là một trong những yêu cầu quan trọng, làm tiền đề cho việc bảo vệ quyền lợi của trẻ, đặc biệt là trong giai đoạn đầu đời. Phần nội dung trước<sup>21</sup>, tác giả đã đưa ra kiến nghị về việc “*bên sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản từ chối nhận con không được phép tiếp tục áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*”.

*Thứ hai, đối với người mang thai hộ*, nội dung trước cho thấy: một khi đã chấp nhận tự nguyện thay người khác mang thai và sinh con, người mang thai hộ phải chịu sự ràng buộc bởi những nghĩa vụ nhất định đối với trẻ, ngay cả trong giai đoạn thai nhi. Vì vậy, khi thực hiện các hành vi vi phạm nghĩa vụ, dẫn đến ảnh hưởng sức khỏe của người con sau khi chào đời, bên mang thai hộ phải có trách nhiệm bồi thường cho chính trẻ được sinh ra.

*Thứ ba, đối với cơ sở y tế thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*, chủ thể này cũng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi của người con. Tác giả cho rằng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế cũng cần bổ sung quy định về hành vi xâm phạm quyền lợi của trẻ được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Cụ thể, hiện nay chỉ có hành vi tiết lộ thông tin của người cho tinh trùng, người nhận tinh trùng, nhận phôi mới bị phạt tiền. Trong khi đó, thông tin của người con được sinh ra cũng cần được bảo mật và tôn trọng.

Mặt khác, hành vi được quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP: “không thực hiện việc khám, xét nghiệm để xác định người cho tinh trùng, cho noãn không bị bệnh di truyền ảnh hưởng đến thế hệ sau; không bị mắc bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình; không bị nhiễm HIV”, có khả năng gây ra những thiệt hại nghiêm trọng đối với sức khỏe của trẻ. Các hành vi này cũng cần được áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

#### **4.3.2. Trách nhiệm thực hiện việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**

Vận dụng lý thuyết về chủ thể dễ bị tổn thương, tác giả cho rằng: để quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được bảo vệ một cách hiệu

---

<sup>21</sup> Xem mục 4.2.1 của Luận án.

quả, quyền lợi của trẻ, nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan và các chế tài xử lý vi phạm, cần được tổ chức thực hiện trên thực tế.

*Thứ nhất, Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức thực hiện, kiểm tra và giám sát hoạt động bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Từ việc học hỏi kinh nghiệm ở một số quốc gia, cũng như xem xét hoàn cảnh pháp lý tại Việt Nam, tác giả kiến nghị xây dựng và ban hành: “**Luật về Sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản**”.*

*Thứ hai, gia đình có trách nhiệm trực tiếp quan tâm, chăm sóc và bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản*

Khi thực hiện các hoạt động bảo vệ người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, không chỉ có cha, mẹ mà các thành viên trong gia đình cũng có trách nhiệm tạo nên một môi trường ổn định, lành mạnh và an toàn cho sự phát triển của trẻ. Trong quan hệ với các thành viên của gia đình, người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản (dù có cùng nguồn gốc huyết thống hoặc không) đều được nuôi dưỡng, cấp dưỡng và thậm chí có quyền hưởng di sản thừa kế một cách bình đẳng. Từ đây, tác giả cho rằng: một quy định minh thị tương tự trường hợp mang thai hộ nên được ghi nhận.

*Thứ ba, các tổ chức xã hội đóng vai trò không thể thiếu trong thiết chế bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.*

## KẾT LUẬN

Mặc dù sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản không phải là một chủ đề xa lạ trong khoa học pháp lý nhưng các nghiên cứu hiện nay chủ yếu hướng đến người có nhu cầu sinh con, mà ít khi tập trung vào người con được sinh ra. Luận án không đưa ra các giải pháp bảo vệ quyền lợi của người con trong gia đình hay một cá nhân trong quan hệ pháp luật dân sự một cách đơn thuần. Quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được tác giả đề cập ở những nội dung gắn liền với các đặc điểm riêng biệt của nhóm chủ thể này so với người con được sinh ra bằng cách thức tự nhiên.

Bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là điều không đơn giản trong hoàn cảnh tồn tại cùng lúc nhiều nhóm lợi ích của các chủ thể khác nhau trong xã hội. Trong một số trường hợp, bảo vệ quyền lợi của người con đồng nghĩa với việc quyền lợi của những người khác cũng bị hạn chế hoặc ít nhiều bị ảnh hưởng. Việc đặt ra nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của người con vì vậy là vô cùng cần thiết để tạo nên sự công bằng, ổn định trong các mối quan hệ xã hội. Các nguyên tắc cũng cũng tạo định hướng để kết quả giải quyết những hoàn cảnh phức tạp phát sinh trong tương lai có tính phù hợp và nhất quán, ngay cả khi chưa có quy định cụ thể điều chỉnh.

Cũng như những cá nhân khác, cho đến khi thành niên, quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thường được bảo vệ thông qua các chủ thể khác, và thường là cha, mẹ. Việc xác định cha, mẹ cho con là vấn đề đầu tiên cần được giải quyết ngay khi trẻ sinh ra. Trong nhiều trường hợp, trẻ nên được tạo điều kiện để được xác định đầy đủ cả cha và mẹ. Theo đó, tác giả đưa ra đề xuất xác định cha, mẹ cho con trong trường hợp chưa được pháp luật quy định cụ thể, trên nguyên tắc ưu tiên quyền lợi tốt nhất của người con.

Việc được xác định cha, mẹ tạo tiền đề để quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được bảo vệ bình đẳng như những người con khác được sinh ra thông qua cách thức tự nhiên. Tuy vậy, nếu chỉ dừng lại ở đây, quyền lợi của người được sinh ra vẫn chưa được đảm bảo triệt để với tư cách là một cá nhân trong xã hội hay một người con trong gia đình. Vì thế, việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cần được hoàn thiện hơn thông qua sự thừa nhận quyền của người con trong một số trường hợp đặc biệt hoặc xác định nghĩa vụ của các chủ thể khác có liên quan. Luận án đã đi đến kết luận rằng: quyền xác định nguồn gốc, quyền xác định quốc tịch trong trường hợp con được mang thai hộ và sinh ra ở nước ngoài, cũng như quyền thừa kế của người con được sinh ra từ tình trùng của người chết hoặc người con không có cùng huyết thống với cha, mẹ và các thành

viên trong gia đình nên được điều chỉnh một cách chi tiết, phù hợp với hoàn cảnh mà người con được sinh ra.

Quyền lợi của người con còn được tác động một cách tích cực thông qua việc xác định nghĩa vụ của các chủ thể tham gia quan hệ sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Pháp luật hiện hành chủ yếu đề cập nghĩa vụ của những người tham gia quan hệ pháp luật về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản với nhau, mà ít khi đề cập đến mối quan hệ giữa những chủ thể này với người con được sinh ra. Trong khi đó, sự an toàn thể chất của trẻ ngay từ giai đoạn thai nhi đã gắn liền và chịu sự phụ thuộc bởi họ. Việc ghi nhận nghĩa vụ của người áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và người hỗ trợ sinh sản giúp làm tăng khả năng nhận thức về trách nhiệm của các bên với người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

Khi so sánh tính hệ thống trong các văn bản pháp lý của Việt Nam về lĩnh vực sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản với các quốc gia khác, tác giả cho rằng việc ghi nhận *Luật về Sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản* là điều cần thiết. Các quy định chuyên biệt sẽ là cơ sở để quyền lợi của người con được điều chỉnh không chỉ giới hạn trong trường hợp thụ tinh trong ống nghiệm (thiếu vắng các quy định về thụ tinh nhân tạo) như hiện nay. Sự ra đời của một văn bản pháp lý chuyên biệt vừa có tính khái quát, vừa có tính chi tiết, dự kiến sẽ là cơ sở quan trọng để quyền lợi của người con được công nhận, tôn trọng và được bảo vệ khi phát sinh tranh chấp.

Tóm lại, so với mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu đề ra, Luận án đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho thấy sự cần thiết của việc bảo vệ quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Tìm hiểu pháp luật hiện hành tạo cơ sở nền tảng cho việc đánh giá về khả năng được bảo vệ của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Thông qua kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới, kết hợp với hoàn cảnh pháp lý và xã hội hiện nay, tác giả đã đưa ra một số đề xuất nhằm giúp quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản nhận được sự quan tâm thích đáng, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các chủ thể có liên quan, cũng như chi tiết hoá nội dung các quyền mà người con cần được hưởng trong một số hoàn cảnh đặc biệt. Các kiến nghị dự kiến sẽ đưa ra giải pháp bảo vệ tốt hơn cho quyền lợi của người con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản trong tương lai.

## NHỮNG CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ

### Tiếng Việt

1. Nguyễn Hồ Bích Hằng, Ngô Thị Anh Vân (2015), “Một số góp ý về người thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự - Bàn về tư cách hưởng thừa kế của người được thành thai và sinh ra sau thời điểm mở thừa kế”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 5, tr. 45-50.
2. Ngô Thị Anh Vân (2017), “Xác định quan hệ cha mẹ, con khi có sự vi phạm pháp luật về mang thai hộ và xử lý hậu quả”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 13, tr. 47-55.
3. Ngô Thị Anh Vân (2018), “Quyền xác định nguồn gốc của con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 09, tr. 49-58.
4. Ngô Thị Anh Vân (chủ nhiệm đề tài) (2018), *Xác định cha mẹ cho con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản trong pháp luật Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.
5. Ngô Thị Anh Vân (2020), “Bảo vệ quyền lợi của trẻ được mang thai hộ và sinh ra ở nước ngoài – thực tiễn pháp lý của một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 8, tr. 25-38.
6. Ngô Thị Anh Vân (2020), “Pháp luật về lấy, sử dụng noãn, tinh trùng của người chết cho mục đích sinh sản”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 9, tr. 1-15.

### Tiếng nước ngoài

7. Van Dai Do, Thi Anh Van Ngo (2019), “La solidarité et la famille en droit Vietnamien” (Chương sách), *Solidarité et famille*, Bruylant.
8. Ngo Thi Anh Van (2020), “Offsprings conceived via assisted reproductive technology by a single woman: a matter of father identification”, *Vietnamese journal of Legal sciences*, Vol. 03, p.1-19.
9. Ngo Thi Anh Van (2023), “An overview of the diversity in family forms and family’s functions from the perspective of Vietnamese law” (Chương sách), *Plurality and Diversity in Law: Family Forms and Family's Functions*, Intersentia.
10. Ngo Thi Anh Van (2023), “Transnational surrogacy: Vietnam's deliberate choice of a separate path”, *Asia-Pacific Social Science Review* (Scopus – Q3), Vol.23, pp. 48-62.